

Số: /2025/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định một số nội dung về quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, hàng hải trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa số 48/2014/QH13; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14;

Căn cứ Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; Nghị định số 54/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa và Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Căn cứ Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa;

Căn cứ Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 127/2025/NĐ-CP ngày của Chính phủ quy định về phân cấp thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 36/2021/TT-BGTVT ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định công tác khảo sát luồng đường thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 15/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý đường thủy nội địa; Thông tư số 31/2021/TT-BGTVT ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành, liên tịch ban hành;

Căn cứ Thông tư số 21/2022/TT-BGTVT ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, bảo trì công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 12/2018/TT-BGTVT ngày 28 tháng 03 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về công tác phòng, chống thiên tai trong lĩnh vực đường thủy nội địa; Thông tư số 35/2020/TT-BGTVT ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực đường thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 42/2021/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về công tác điều tiết không chế bảo đảm an toàn giao thông, chống va trôi và hạn chế giao thông đường thủy nội địa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 288/TTr-SXD ngày 08 tháng 10 năm 2025;

Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định quy định một số nội dung về quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, hàng hải trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về một số nội dung quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, hàng hải trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày tháng 11 năm 2025

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

3. Quyết định sau đây hết hiệu lực toàn bộ từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành: Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phân cấp thẩm quyền áp dụng hình thức bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa địa phương trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Xây dựng, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục KTVB&QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ XD;
- TTTU, TTHĐNDTP;
- Đoàn Đại biểu QH TP;
- Ủy ban MTTQVN thành phố;
- CT, các PCT UBND TP;
- Sở Tư pháp;
- Công báo thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố;
- Báo và PTTH HP;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Lưu: VT, XDCT, H.Hà.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Anh Quân

QUY ĐỊNH

Quy định một số nội dung về quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, hàng hải trên địa bàn thành phố Hải Phòng
(Ban hành kèm theo Quyết định số .../2025/QĐ-UBND)

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định một số nội dung về quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, hàng hải trên địa bàn thành phố Hải Phòng

1. Phân cấp một số nội dung thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa, hàng hải.

2. Quy định một số nội dung về quản lý, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc trách nhiệm quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến một số nội dung về quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, hàng hải trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Cơ quan quản lý đường thủy nội địa cấp tỉnh là Sở Xây dựng.

2. Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 4. Phân cấp quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì đường thủy nội địa phương, đường thủy nội địa quốc gia và vùng nước khác thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng

1. Sở Xây dựng quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì đối với các tuyến đường thủy nội địa phương, đường thủy nội địa quốc gia thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng

2. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức quản lý theo địa bàn đối với các vùng nước khác bao gồm: Sông, kênh, hồ, đầm, phá trên địa bàn chưa được đầu tư xây dựng, công bố mở luồng, chưa được tổ chức quản lý nhưng có hoạt động vận tải nhằm bảo đảm trật tự, an toàn giao thông. Trường hợp các vùng nước khác nằm

trên địa giới hành chính của 02 đơn vị hành chính trở lên, Sở Xây dựng thành phố Hải Phòng chủ trì lấy ý kiến với các đơn vị hành chính và các Sở Xây dựng của các tỉnh lân cận, tham mưu, trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định 01 UBND cấp xã là đơn vị chủ trì quản lý.

CHƯƠNG II

PHÂN CẤP MỘT SỐ NỘI DUNG THUỘC THẨM QUYỀN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Điều 5. Phân cấp thẩm quyền chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với công trình, hoạt động trên vùng nước chưa được tổ chức quản lý nhưng có hoạt động vận tải (trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 3 Điều 41 Nghị định 08/2021/NĐ-CP); tổ chức cảnh báo tại khu vực nguy hiểm đối với hoạt động của phương tiện ngoài phạm vi luồng và vùng nước chưa được tổ chức quản lý, khai thác giao thông vận tải.

Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện trên phạm vi địa bàn quản lý.

Điều 6. Phân cấp thẩm quyền xem xét phê duyệt trong công tác điều tiết không chế, chống va trôi trên đường thủy nội địa địa phương

Sở Xây dựng xem xét phê duyệt phương án điều tiết không chế bảo đảm an toàn giao thông, thường trực chống va trôi và tổ chức thực hiện theo quy định công tác điều tiết không chế bảo đảm an toàn giao thông, công tác chống va trôi trên đường thủy nội địa địa phương (bao gồm cả trường hợp thường xuyên, trường hợp đột xuất phòng chống thiên tai, bảo đảm an ninh, quốc phòng và trường hợp thi công, sửa chữa công trình).

Điều 7. Phân cấp thẩm quyền công bố mở luồng, đóng luồng và chuyển đổi luồng đường thủy nội địa

Sở Xây dựng quyết định công bố mở, đóng luồng địa phương, luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương; quyết định chuyển đổi luồng chuyên dùng thành luồng địa phương, luồng địa phương thành luồng chuyên dùng.

Điều 8. Phân cấp thẩm quyền chấp thuận đề xuất thực hiện nạo vét đường thủy nội địa địa phương

1. Sở xây dựng thực hiện chấp thuận đề xuất thực hiện nạo vét đường thủy nội địa địa phương theo quy định. Sau khi hoàn thành công tác nạo vét, tổ chức, doanh nghiệp tiến hành nghiệm thu hoàn thành công trình và bàn giao cho Sở Xây dựng để tổ chức quản lý, sử dụng.

2. Đối với tuyến luồng chỉ phục vụ cho một nhà đầu tư cảng, Sở Xây dựng xem xét chấp thuận cho doanh nghiệp khai thác cảng đó chịu trách nhiệm nạo vét duy tu hằng năm, đảm bảo chuẩn tắc, thông số kỹ thuật luồng được cơ quan có thẩm quyền công bố.

Điều 9. Phân cấp thực hiện và phê duyệt hồ sơ khắc phục hậu quả thiên tai bước 1 đối với tuyến đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa quốc gia thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng

1. Phân cấp cho Sở Xây dựng quyết định tổ chức thực hiện và phê duyệt hồ sơ khắc phục hậu quả thiên tai đối với các tuyến đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng

2. Trung tâm Quản lý, bảo trì các công trình hoặc đơn vị được Sở Xây dựng giao nhiệm vụ quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa tổ chức lập hồ sơ khắc phục hậu quả thiên tai đối với các tuyến đường thủy nội địa do Sở Xây dựng quản lý. Hồ sơ trình bao gồm:

- a) Tờ trình đề nghị phê duyệt hồ sơ khắc phục hậu quả thiên tai;
- b) Thuyết minh phương án khắc phục hậu quả thiên tai;
- c) Các công điện, văn bản, lệnh Điều động của cơ quan có thẩm quyền liên quan đến việc phòng, chống thiên tai đối với kết cấu hạ tầng giao thông;
- d) Báo cáo nhanh về tình hình thiệt hại do thiên tai gây ra kèm theo ảnh chụp vị trí công trình thiệt hại;
- đ) Khối lượng công tác Điều tiết không chế bảo đảm an toàn giao thông đã thực hiện đối với trường hợp khắc phục, xử lý ách tắc giao thông (nếu có);
- e) Dự toán kinh phí công tác khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông bước 1, kèm các bản thuyết minh tính toán chi tiết;
- g) Các biên bản kèm theo bản kê chi tiết kiểm tra hoặc khảo sát, đánh giá thiệt hại công trình về kỹ thuật, khối lượng, dự kiến phương án, tiến độ khắc phục có xác nhận của đại diện các cơ quan, đơn vị. Việc lập biên bản xác nhận thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Thông tư số 12/2018/TT-BGTVT ngày 28/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về công tác phòng, chống thiên tai trong lĩnh vực đường thủy nội địa;
- h) Các bản vẽ thiết kế kỹ thuật thi công. Đối với hệ thống báo hiệu sử dụng bản vẽ thiết kế định hình thể hiện khối lượng.

3. Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định khoản 1 Điều này, Sở Xây dựng tiến hành thẩm định, phê duyệt hồ sơ. Trong thời gian thẩm định hồ sơ, Sở Xây dựng có trách nhiệm lấy ý kiến của Sở Tài

chính về nguồn kinh phí thực hiện khắc phục hậu quả thiên tai bước 1, lấy ý kiến của các cơ quan liên quan trong trường hợp cần thiết.

Trong thời hạn không quá 05 ngày kể từ khi nhận được văn bản lấy ý kiến của Sở Xây dựng, Sở Tài chính và các cơ quan được lấy ý kiến có văn bản trả lời theo quy định. Quá thời hạn trên, trường hợp Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan không có văn bản trả lời thì xem như nhất trí và phải chịu trách nhiệm do việc không trả lời hoặc trả lời chậm trễ gây ra.

Điều 10. Phân cấp thẩm quyền áp dụng hình thức bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa địa phương đối với công tác bảo dưỡng thường xuyên

Sở Xây dựng căn cứ tính chất công việc bảo dưỡng thường xuyên công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được giao quản lý: Quyết định lựa chọn hình thức bảo trì theo chất lượng thực hiện hoặc bảo trì theo khối lượng thực tế hoặc hình thức bảo trì kết hợp theo chất lượng thực hiện và khối lượng thực tế.

Điều 11. Phân cấp thẩm quyền quyết định giá quy ước của tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc địa phương quản lý làm cơ sở xác định giá trị tài sản để ghi sổ kế toán đối với các trường hợp chưa có thông tin về nguyên giá, giá trị còn lại và không có căn cứ để xác định nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản

Sở Xây dựng thực hiện đối với các tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được giao quản lý.

CHƯƠNG III

QUY ĐỊNH MỘT SỐ NỘI DUNG QUẢN LÝ, BẢO TRÌ, BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

Điều 12. Quy định cụ thể việc họp chợ, làng chài, làng nghề và các hoạt động khác trên hành lang bảo vệ luồng, bảo đảm giao thông đường thủy nội địa thông suốt, trật tự, an toàn và bảo vệ môi trường

1. Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện việc họp chợ, làng chài, làng nghề trong hành lang bảo vệ luồng phải thực hiện đầy đủ các quy định sau đây:

a) Việc họp chợ, làng chài, làng nghề và các hoạt động khác không được chông lán với luồng chạy tàu;

b) Khi triển khai thực hiện việc họp chợ, làng chài, làng nghề không được gây trở ngại cho giao thông đường thủy nội địa, không làm hư hại đến công trình giao thông.

c) Phạm vi tổ chức hoạt động phải được thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa. Báo hiệu được thiết lập phải đảm bảo tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành;

d) Trường hợp hoạt động tổ chức diễn ra từ sau 17 giờ đến 06 giờ ngày kế tiếp hoặc diễn ra vào các thời điểm bị hạn chế về tầm nhìn, ngoài việc bố trí đầy đủ báo hiệu, tín hiệu theo các quy định tại điểm b khoản này thì khu vực tổ chức hoạt động phải được lắp đặt đèn chiếu sáng để đảm bảo nhìn thấy khu vực tổ chức hoạt động từ phạm vi từ 500m trở lên.

đ) Khi kết thúc hoạt động các tổ chức, cá nhân phải thanh thải hết các chướng ngại vật trong phạm vi luồng và hành lang luồng.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức quản lý việc họp chợ, làng chài, làng nghề và các hoạt động khác trên hành lang bảo vệ luồng đường thủy nội địa trên địa bàn theo các quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 13. Quy định tổ chức lập, phê duyệt, điều chỉnh và tổ chức thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường thủy nội địa địa phương và đường thủy nội địa quốc gia phân cấp cho địa phương quản lý

1. Nội dung các công việc trong kế hoạch bảo trì công trình đường thủy nội địa được lập áp dụng theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 9 Thông tư số 21/2022/TT-BGTVT ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, bảo trì công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa (bao gồm cả kế hoạch nạo vét duy tu đường thủy nội địa địa phương; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng).

2. Phương pháp khái toán kinh phí thực hiện khi lập kế hoạch:

a) Công việc quản lý, bảo dưỡng thường xuyên căn cứ định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương trong Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố (trường hợp chưa có định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương của Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố kỳ tiếp theo thì căn cứ vào Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố kỳ trước) và thông báo kết quả thẩm tra phương án phân bổ dự toán thu chi ngân sách nhà nước hàng năm; khối lượng tuyến đường thủy nội địa hiện trạng và dự kiến tiếp nhận quản lý.

b) Công việc sửa chữa định kỳ: Căn cứ hiện trạng các công trình, quy trình bảo trì (nếu có) và định mức, tiêu chuẩn quy chuẩn kỹ thuật hiện hành hoặc khái toán công trình tương tự đã thực hiện;

c) Công việc sửa chữa đột xuất: Căn cứ hiện trạng công trình chưa đến kỳ sửa chữa nhưng đã hư hỏng mất an toàn công trình, sự cố hư hỏng do thiên tai và các công việc khác thực hiện theo quy định hiện hành; định mức, tiêu chuẩn quy chuẩn kỹ thuật hiện hành hoặc khái toán công trình tương tự đã thực hiện.

d) Các công việc, nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Nghị định số 98/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ.

đ) Công tác khác: Căn cứ theo yêu cầu công việc theo quy định hiện hành; định mức, tiêu chuẩn quy chuẩn kỹ thuật hiện hành hoặc khái toán công trình tương tự đã thực hiện.

3. Thứ tự ưu tiên các công việc trong kế hoạch: Bảo dưỡng thường xuyên; khắc phục điểm hay xảy ra tai nạn giao thông, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông; dự án chuyển tiếp từ năm trước sang; sửa chữa nhằm bảo đảm an toàn công trình, an toàn giao thông đường thủy nội địa; khắc phục nguy cơ sập đổ công trình; công tác sửa chữa định kỳ và công tác khác khác do cơ quan lập kế hoạch đề xuất.

4. Sở Xây dựng tổ chức lập, phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do Sở Xây dựng quản lý. Trình tự lập và phê duyệt kế hoạch bảo trì và vận hành, khai thác kết cấu hạ tầng đường bộ sử dụng vốn ngân sách thành phố từ nguồn kinh phí chi thường xuyên như sau:

a) Trước ngày 30 tháng 5 hàng năm, Sở Xây dựng lập nhu cầu bảo trì công trình đường thủy nội địa và lập công việc, danh mục dự án ưu tiên cho phép chuẩn bị đầu tư năm sau trình Ủy ban nhân dân thành phố trước ngày 30 tháng 5 hàng năm. Riêng công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên được lập theo nhu cầu giai đoạn 03 năm.

b) Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt nhu cầu bảo trì công trình đường thủy nội địa đồng thời với chấp thuận công việc, danh mục công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên theo giai đoạn 03 năm và dự án ưu tiên cho phép chuẩn bị đầu tư thuộc kế hoạch năm sau trước ngày 30 tháng 6 hàng năm;

c) Căn cứ vào công việc, danh mục dự án ưu tiên quy định tại điểm b khoản này, Sở Xây dựng có trách nhiệm tổ chức lập, thẩm định, trình phê duyệt dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật sửa chữa công trình, dự toán các công việc trong kế hoạch bảo trì công trình đường thủy nội địa theo quy định trước ngày 15 tháng 11 hàng năm. Sở Xây dựng được phép điều chỉnh cục bộ chiều dài, vị trí, lý trình công trình sửa chữa, giải pháp kỹ thuật cho phù hợp với hiện trạng hư hỏng của công trình đường thủy nội địa, bổ sung các hạng mục an toàn giao thông trong phạm vi kinh phí của danh mục được Ủy ban nhân dân thành phố chấp thuận.

d) Căn cứ công việc, danh mục dự án ưu tiên tại điểm b khoản này; danh mục bảo trì (bảo dưỡng thường xuyên, sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất, dự án chuyển tiếp từ năm trước sang) và các công việc khác; trước ngày 15 tháng 11 hàng năm, Sở Xây dựng lập dự toán chi công tác bảo trì công trình đường thủy nội địa gửi Sở Tài chính tổng hợp và trình Ủy ban nhân dân thành phố dự toán chi ngân sách nhà nước năm sau.

đ) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được cấp có thẩm quyền giao hoặc thông báo dự toán thu, chi ngân sách nhà nước, Sở Xây dựng phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình đường thủy nội địa năm sau phù hợp với dự toán chi được giao; báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố theo dõi và gửi các bên liên quan phối hợp thực hiện.

e) Trường hợp cơ quan có thẩm quyền thông báo nguồn vốn thực hiện không đủ để thực hiện toàn bộ công việc bảo trì công trình đường thủy nội địa; các công việc, danh mục dự án được ưu tiên trong kế hoạch này theo thứ tự ưu tiên quy định tại điểm c khoản 3 Điều này và công việc cần thiết khác do Sở Xây dựng quyết định.

5. Trong quá trình thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường thủy nội địa, trường hợp còn dư kinh phí được cấp (do tiết kiệm trong công tác đấu thầu, kinh phí dự phòng không sử dụng; giảm trừ thanh quyết toán và các khoản tiết kiệm khác), Sở Xây dựng quyết định bổ sung danh mục, công việc bảo trì công trình đường thủy nội địa để triển khai thực hiện (ưu tiên bổ sung công trình sửa chữa đột xuất) nhưng không vượt quá dự toán chi được giao; báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố theo dõi và gửi các bên liên quan phối hợp thực hiện.

Điều 14. Quy định tần suất khảo sát định kỳ luồng đường thủy nội địa địa phương

1. Tần suất khảo sát định kỳ luồng đường thủy nội địa địa phương được xác định theo các tiêu chí chủ yếu sau:

- a) Loại đường thủy nội địa phục vụ quản lý;
- b) Vai trò của luồng đường thủy nội địa đối với vận tải thủy nội địa;
- c) Trọng tải phương tiện thủy hoạt động thực tế trên luồng đường thủy nội địa;
- d) Cấp kỹ thuật luồng đường thủy nội địa.

2. Việc xác định tần suất khảo sát định kỳ đối với luồng đường thủy nội địa địa phương theo phương thức chấm điểm. Thang điểm đánh giá là 100 điểm, được xác định cụ thể theo tiêu chí chính quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này.

3. Tần suất khảo sát định kỳ luồng đường thủy nội địa địa phương, gồm:

a) Tần suất khảo sát 01 năm/lần đối với luồng có tổng số điểm chằm đạt từ 85 điểm trở lên;

b) Tần suất khảo sát 03 năm/lần đối với luồng có tổng số điểm chằm đạt từ 70 điểm đến dưới 85 điểm;

c) Tần suất khảo sát 05 năm/lần đối với luồng có tổng số điểm chằm đạt dưới 70 điểm;

d) Tần suất khảo sát lớn hơn 05 năm/lần đối với trường hợp luồng có tổng số điểm chằm theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản này nhưng là luồng đường thủy nội địa có độ sâu lớn, ổn định hoặc luồng có lưu lượng phương tiện thấp do Sở Xây dựng quyết định tần suất khảo sát.

đ) Tần suất khảo sát nhỏ hơn 01 năm/lần đối với trường hợp luồng, đoạn luồng đường thủy nội địa địa phương tại khu vực cửa sông hoặc các khu vực bị bồi, xói lớn. Sở Xây dựng căn cứ vào tính chất, quy mô, phạm vi, vai trò của luồng đường thủy nội địa đối với vận tải thủy nội địa để xem xét, quyết định tần suất khảo sát.

Điều 15. Quy định về bảo vệ kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa địa phương

1. Sở Xây dựng có trách nhiệm

a) Xác định phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa, cắm mốc chỉ giới và điều chỉnh mốc chỉ giới bảo vệ công trình kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa địa phương đối với luồng ven bờ được giao quản lý;

b) Chủ trì thực hiện các biện pháp bảo vệ kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, chống lấn chiếm, cản trở ảnh hưởng đến an toàn giao thông trong phạm vi luồng đường thủy nội địa được giao quản lý.

c) Tổ chức lực lượng thường xuyên tuần tra, kiểm tra phát hiện các hành vi vi phạm về bảo vệ công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa. Thông báo ngay cho chính quyền địa phương, lực lượng công an xã để xử lý theo thẩm quyền; đồng thời phối hợp với chính quyền địa phương xử lý các vi phạm trên địa bàn.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm

a) Phối hợp với Sở Xây dựng cắm mốc chỉ giới và tiếp nhận quản lý, bảo vệ mốc chỉ giới bảo vệ công trình kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa địa phương trên địa bàn;

b) Chủ trì thực hiện các biện pháp bảo vệ kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, chống lấn chiếm hàng lang bảo vệ luồng từ phạm vi luồng trở vào phía bờ; thực hiện xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền đối với các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

c) Chủ trì phối hợp với Sở, ngành và các bên liên quan tổ chức giải tỏa các bến tập kết, xếp dỡ hàng hóa không đủ điều kiện để công bố hoạt động và các công trình, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, bè nuôi thủy hải sản hoạt động trái quy định./.